

Số: /BV-KD
V/v mời chào giá hóa chất bổ sung và
thiết bị y tế năm 2025

Vị Xuyên, ngày 06 tháng 3 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp hóa chất,
vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc
hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 2 năm 2024 của Chính
phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa
chọn nhà thầu;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội nước cộng hòa
xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật
đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ, sửa
đổi bổ sung một số điều của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi
hành Luật đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 56/QĐ-BV ngày 06/3/2025 của Bệnh viện đa khoa Vị
Xuyên về việc phê duyệt danh mục Hóa chất xét nghiệm và thiết bị y tế về thông số
kỹ thuật của từng mặt hàng.

Để cập nhật tình hình giá trên thị trường, khả năng cung ứng hóa chất, vật tư
xét nghiệm, thiết bị y tế trong năm 2025 và là cơ sở để xây dựng dự toán gói thầu,
kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Bệnh viện đa khoa huyện Vị Xuyên trân trọng thông tin
và đề nghị các Quý doanh nghiệp xem xét, đối chiếu phạm vi kinh doanh, quy mô
kinh doanh, cung cấp thông tin về giá hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, với
nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa huyện Vị Xuyên

- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Khoa Dược
- VTTBYT (DS: Lê Thị Mai, Phó Trưởng Khoa Dược - VTTBYT, điện thoại:
0982.490.988).

- Cách thức tiếp nhận báo giá: Thông qua đường bưu chính viễn thông (bản
chính) và Email (bản mềm).

- Địa chỉ: Khoa Dược - VTTBYT Bệnh viện đa khoa huyện Vị Xuyên – Tổ
10, thị trấn Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

- Điện thoại: 0982.490.988.
- Email: khoaduoc.bvvx@gmail.com.

2. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 06 tháng 3 năm 2025 đến trước 17h ngày 15 tháng 3 năm 2025. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

3. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 15 tháng 03 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế (Phụ lục đính kèm).
2. Yêu cầu báo giá: (Mẫu báo giá đính kèm)
3. Các thông tin khác (nếu có). Không

Bệnh viện đa khoa huyện Vị Xuyên trân trọng thông báo đến các Quý doanh nghiệp được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công TTĐT Sở Y tế;
- Website bệnh viện;
- Lưu: VT, KD-VTTBYT.

GIÁM ĐỐC

Tạ Tiến Mạnh

PHỤ LỤC 1. DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM

(Kèm theo Công văn số /BV-KD ngày 06/3/2025 của Bệnh viện đa khoa huyện Vị Xuyên)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Hóa chất xét nghiệm Albumin trong máu	- Mục đích sử dụng: định lượng Albumin trong huyết thanh, huyết tương người. -Thành phần: succinate buffer ≤ 108 mmol/l;bromocresol green (BCG) ≤ 0.35 mmol/l;sodium hydroxide ≤ 60 mmol/l;detergent;preservative. Đóng gói: 6x60 ml , 1x2 ml STD - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	12
2	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin trực tiếp trong máu	Mục đích sử dụng: định lượng Bilirubin trực tiếp trong huyết thanh, huyết tương người. - Thành phần: sulphanic acid 27.74 mmol/l; hydrochloric acid 40 mmol/l; sodium nitrite 1.38 mmol/l. Đóng gói: 5x48 ml , 1x30ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	3
3	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin toàn phần trong máu	Mục đích sử dụng: định lượng Bilirubin toàn phần trong huyết thanh, huyết tương người. - Thành phần: sulphanic acid 25.6 mmol/l;hydrochloric acid 40 mmol/l; sodium nitrite 1 mmol/l; detergent 49.6 mmol/l. Đóng gói: 5x48 ml ,1x60ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	3
4	Hóa chất xét nghiệm cholesterol trong máu	- Mục đích sử dụng: định lượng Cholesterol trong huyết thanh, huyết tương người. - Thành phần: Good's buffer (pH 6.4) < 120 mmol/l; phenol < 6 mmol/l; 4-aminoantipyrine < 0.4 mol/l; cholesterol esterase (CHE) < 4 μ kat/l ; cholesterol oxidase (CHO) < 5 μ kat/l; peroxidase (POD) < 24 μ kat/l; preservatives, detergents, stabilizers. Đóng gói: 6 x 60ml, 1x2ml STD - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	15
5	Hóa chất xét nghiệm HDL - Cholesterol trong máu	Mục đích sử dụng: định lượng HDL - cholesterol trong huyết thanh, huyết tương người. - Thành phần: R1: Buffer;Cholesterol oxidase (E.coli) < 1000 U/l; Peroxidase (horseradish) < 1300 ppg U/l; N,N-bis(sulfobutyl)-toluidine, disodium (DSBmT) < 1 mM; Accelerator < 1 mM ; Preservative < 0.06 %; Ascorbic acid oxidase (Curcubita sp.) < 3000 U/l R2: Buffer; Cholesterol esterase (Pseudomonas sp.) < 1500 U/l; 4-aminoantipyrine (4-AAP) < 1 mM; Detergent < 2 %;Preservative < 0.06 %. Đóng gói: 4x30m R1, 4x10 ml R2 - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	4
6	Hóa chất xét nghiệm LDL - Cholesterol trong máu	Mục đích sử dụng: định lượng LDL - Cholesterol trong huyết thanh, huyết tương người. -Thành phần: R1: Buffer;Detergent 1 < 1.0 %; Cholesterol esterase (Pseudomonas spp.) < 1500 U/l ;Cholesterol oxidase(Cellulomonas spp.) < 1500 U/l;Peroxidase (horseradish) < 1300 ppg U/l; 4-aminoantipyrine < 0.1 %;	Hộp	4

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Ascorbic Acid Oxidase (Curcubita spp.) < 3000 U/l; Preservative. R2: Buffer;Detergent 2 < 1.0 %; N,N-bis(sulfobutyl)- toluidine, disodium(DSBmT) < 1.0 mM; Preservative. Đóng gói: 4x30ml , 4x10 ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.		
7	Hóa chất xét nghiệm Creatinin trong máu	- Mục đích sử dụng: định lượng Creatinine trong huyết thanh, huyết tương người. -Thành phần: R1: sodium hydroxide ≤ 450 mmol/l; carbonate buffer ≤ 150 mmol/l. R 2: picric acid ≤ 38.8 mmol/l. Đóng gói: 5x48ml , 1x60 ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	32
8	Hóa chất xét nghiệm CK-NAC trong máu	- Mục đích sử dụng: định lượng CK - NAC trong huyết thanh, huyết tương người. - Thành phần: R1: imidazole buffer 100 mmol/l; glucose 20 mmol/l; N-acetylcysteine 20 mmol/l; magnesium acetate 10 mmol/l; EDTA 2 mmol/l; NADP 2 mmol/l; ADP 2 mmol/l; AMP 5 mmol/l; HK > 2.5 U/ml; R2: diadenosinepentaphosphate 10 μmol/l; glucose-6-phosphate-dehydrogenase (G6P-DH) > 1.5 U/ml; creatine phosphate 30 mmol/l; preservative. Đóng gói: 5x25ml , 1x25ml - Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Hộp	3
9	Hóa chất xét nghiệm CK - MB trong máu	Mục đích sử dụng: định lượng CK-MB trong huyết thanh, huyết tương người. - Thành phần R1: imidazole buffer 100 mmol/l; glucose 20 mmol/l; N-acetylcysteine 20 mmol/l; magnesium acetate 10 mmol/l; EDTA 2 mmol/l ; NADP 2 mmol/l; ADP 2 mmol/l; AMP 5 mmol/l; HK > 2.5 U/ml; polyclonal antibodies against CK-M; inhibiting capacity > 8000 U/l. R2: diadenosinepentaphosphate 10 μmol/l; glucose-6-phosphate-dehydrogenase (G6P-DH) > 1.5 U/ml; creatine phosphate 30 mmol/l, preservative. Đóng gói: 5x25ml , 1x25ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	5
10	Hóa chất xét nghiệm Glucose trong máu	Mục đích sử dụng: định lượng Glucose trong huyết thanh, huyết tương người. - Thành phần: phenol 5 mmol/l; glucose oxidase (GOD) 333.3 μkat/l ; peroxidase (POD) 38.33 μkat/l ; 4-aminoantipyrine (4-AA) 0.75 mmol/l; phosphate buffer ; metal ion chelator; stabilizer; preservatives. Đóng gói: 6x60 ml , 1x2 ml STD - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	20
11	Hóa chất xét nghiệm Protein toàn phần trong máu	Mục đích: định lượng Protein toàn phần trong huyết thanh, huyết tương người. - Thành phần: sodium-potassium tartrate 30 mmol/l ; potassium iodide 30 mmol/l; copper sulfate 12 mmol/l; sodium hydroxide .	Hộp	12

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Đóng gói: 6x60 ml , 1x2 ml STD. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.		
12	Hóa chất xét nghiệm Triglycerid trong máu	Mục đích sử dụng: định lượng Triglycerid trong huyết thanh, huyết tương người. - Thành phần: buffer PIPES (pH 7.0) 40 mmol/l; 4-aminoantipyrine (4-AA) 0.4 mmol/l; ATP 1.5 mmol/l; Mg ²⁺ 1.6 mmol/l; ADPS 0.6 mmol/l; glycerol kinase (GK) > 66.67 μ kat/l; glycerol-3-phosphate; oxidase (GPO) > 60.00 μ kat/l; peroxidase (POD) > 20.00 μ kat/l; lipoprotein lipase (LPL) > 16.67 μ kat/l. Đóng gói: 5x48ml, 1x60 ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	16
13	Hóa chất xét nghiệm Urea trong máu	Mục đích sử dụng: định lượng Ure trong huyết thanh, huyết tương người. - Thành phần: R1: Tris (pH 7.8) \leq 144 mmol/l; ADP \leq 0.84 mmol/l; urease \leq 250 μ kat/l; GLDH \leq 10.5 μ kat/l ; stabilizers; detergents, preservatives. R2: 2-oxoglutarate \leq 48.6 mmol/l; NADH \leq 1.6 mmol/l; bufer; preservative. Đóng gói: 5x48ml, 1x60 ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	32
14	Hóa chất xét nghiệm Acid uric trong máu	- Mục đích sử dụng: định lượng Acid Uric trong huyết thanh, huyết tương người. - Thành phần: R1: ascorbate oxidase \leq 104 μ kat/l ; peroxidase (POD) \leq 22.4 μ kat/l; 4-aminoantipyrine \leq 1.2 mmol/l; sodium hydroxide \leq 0.8% , buffer PIPES (pH 7.0) \leq 120 mmol/l ; stabilizers; preservatives; detergent. R2: buffer PIPES (pH 7.0) \leq 60 mmol/l ; ADPS \leq 2 mmol/l; uricase \leq 9.9 μ kat/l; ferricyanide potassium \leq 22.8 μ mol/l; sodium hydroxide \leq 0.4%; stabilizers; preservatives; detergent. Đóng gói: 5x48ml, 1x60 ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	3
15	Hóa chất xét nghiệm alpha - Amylase tụy trực tiếp trong máu	Mục đích sử dụng: định lượng Amylase tuyến tụy trong huyết thanh, huyết tương người - Thành phần: MES buffer < 120 mmol/l; calcium acetate < 7 mmol/l; potassium hydroxide < 40 mmol/l; potassium thiocyanate < 1100 mmol/l; 2-chloro-4-nitrophenyl- α -maltotrioxide < 2 mmol/l; preservative, stabilizer. Đóng gói: 6 x 30 ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	6
16	Hóa chất xét nghiệm ALT/GPT trong máu	Mục đích sử dụng: định lượng GPT/ ALT trong huyết thanh, huyết tương người. -Thành phần: R1: L-alanine 625 mmol/l; LDH 3.3 U/ml; buffer Tris; stabilizers; pH adjuster; detergent; preservative R2: 2-oxoglutarate 62 mmol/l; NADH 1.4 mmol/l; buffer; pH adjuster; preservatives. Đóng gói: 5x48ml, 1x60 ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	34
17	Hóa chất xét nghiệm nồng độ	Mục đích sử dụng: định lượng GOT/ AST trong huyết thanh, huyết tương người. - Thành phần:	Hộp	34

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	AST/GOT trong máu	R1: L-aspartate 300 mmol/l ; LDH 1.95 U/ml; MDH 1.15 U/ml; buffer Tris ; pH adjuster; stabilizers; preservative. R2: 2-oxoglutarate 62 mmol/l ; NADH 1.4 mmol/l; buffer; pH adjuster; preservatives . Đóng gói: 5x48ml, 1x60 ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.		
18	Hóa chất dùng để hiệu chuẩn các thông số xét nghiệm sinh hóa	Mục đích sử dụng: Dùng để hiệu chuẩn các thông số trên máy xét nghiệm sinh hóa. - Ổn định khi được bảo quản ở 2-8oC. Đóng gói: 10x5ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Lọ	60
19	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn các thông số xét nghiệm sinh hóa	- Mục đích sử dụng: Kiểm soát chất lượng thường quy cho các xét nghiệm trên máy sinh hóa ở giới hạn bình thường - Thành phần: Huyết thanh đông khô có nguồn gốc từ con người Đóng gói: 4x5ml. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	10
20	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn các thông số xét nghiệm sinh hóa	- Mục đích sử dụng: Kiểm soát chất lượng thường quy cho các xét nghiệm trên máy sinh hóa ở giới hạn bệnh lý - Thành phần: Huyết thanh đông khô có nguồn gốc từ con người. Đóng gói: 4x5ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Lọ	36
21	Hóa chất dùng để hiệu chuẩn cho các xét nghiệm HDL, LDL	- Mục đích sử dụng: thiết lập đường cong tham chiếu để xác định định lượng HDL / LDL. Đóng gói: 1x1ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Lọ	12
22	Hóa chất dùng để hiệu chuẩn thông số CK-MB	- Mục đích sử dụng: thiết lập đường cong tham chiếu để xác định định lượng CK -MB. Đóng gói: 1x1ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	4
23	Hóa chất dùng để hiệu chuẩn thông số CK-MB	- Mục đích sử dụng: Kiểm soát chất lượng cho các xét nghiệm CK-MB. Đóng gói: 1x3ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Lọ	12
24	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng Troponin I	Hoá chất được sử dụng chẩn đoán invitro trong việc kiểm soát chất lượng của kit xét nghiệm Tn-I Thành phần: - Hoá chất kiểm chuẩn có chứa kháng nguyên phức tạp I/C của người và huyết thanh ngựa. Đóng gói: 2 levels x 1 mL	Hộp	10
25	Hoá chất kiểm chuẩn tim mạch	Hoá chất được sử dụng trong chẩn đoán in vitro trong việc kiểm soát chất lượng của kit xét nghiệm tim mạch. Dạng đông khô. Thành phần: - Hoá chất kiểm chuẩn chứa phức hợp troponin tim mạch người, CKMB protein người, kháng nguyên Myoglobin, NT - proBNP tái tổ hợp người và huyết thanh ngựa. Đóng gói: 2 levels x 1 mL	Hộp	10

PHỤ LỤC 02: DANH MỤC THIẾT BỊ Y TẾ

(Kèm theo Công văn số: /BV-KD ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên)

Hệ thống máy chụp X quang kỹ thuật số: 01 hệ thống

CẤU HÌNH BAO GỒM:

1) MÁY XQUANG CAO TẦN 500mA

1.1. Cấu hình bao gồm:

- + 01 Bàn điều khiển
- + 01 Máy phát cao thế
- + 01 Bàn bệnh nhân
- + **01 Giá chụp phổi đi theo máy đồng bộ**
- + 01 Bóng phát tia và bộ chuẩn trực
- + 01 cột mang bóng
- + Cáp cao áp
- + Thùng dầu

1.2. Thông số kỹ thuật:

Hệ thống bao gồm:

1.2.1. Máy phát

Loại: Chinh lưu cao tần (tối đa lên đến **450kHz**)

Công suất: **40kW**

Dải cao áp ở chế độ chụp: **< 40 đến 125 kV** với bước chỉnh 1kV

Dòng tối đa ở chế độ chụp: **500mA**

Dải mAs : **0.4 đến 630mAs**

Thời gian chụp: **0,004 - 10 giây**

Thông số điều khiển tia X:

03 thông số (kV, mA, sec)

02 thông số (kV, mAs)

Bàn phím: Kiểu màng phím

Bộ chống quá tải: bằng vi xử lý

Hiển thị: các thông số hoạt động, tin nhắn báo lỗi và cảnh báo hiển thị trên màn LCD

Chương trình thông số chụp cài đặt trước: ≥ 216

Chức năng thông báo lỗi tự động

Nguồn điện: 220VAC – 1 pha, 50/60kHz

1.2.2. Bóng phát tia X-quang:

Loại : Anode quay **3200 ~ 4000 vòng/phút**

Trữ lượng nhiệt tối đa: **140kHU (100KJ)**

Điện áp vận hành tối đa: dòng 1 pha **125kVP**

Tiêu điểm: **02**

Kích thước tiêu điểm nhỏ: 1 mm

Kích thước tiêu điểm lớn: 2 mm

Góc mục tiêu: **16°**

Điện áp cực đại cấp cho đầu đèn: $\geq 150\text{kV}$
Dòng cực đại cấp cho đầu đèn: $\geq 1000\text{ mA}$
Dòng cực tiểu cấp cho đầu đèn: $\geq 500\text{mA}$
Khả năng chịu nhiệt của Anode: $\geq 400\text{ KHU}$
Bộ lọc tia mềm: tương đương ít nhất 0.9 mm Al
Lớp nửa giá trị $3.0\text{ mm Al} / 80\text{KV}$
Rò rỉ bức xạ $< 100\text{mR/h}$
Trọng lượng: **16kg**

1.2.3. Bộ chuẩn trực:

Trường chiếu tia X: từ $0 \times 0\text{ cm}$ đến $450\text{mm} \times 450\text{mm}$ đối với FSD 1m
Trường chiếu ánh sáng: từ $0 \times 0\text{ cm}$ đến $45\text{cm} \times 45\text{cm}$ với FSD bằng 1m
Nguồn sáng: Halogen bóng $< 24\text{V}$, xấp xỉ 100W , tự động tắt sau khoảng 30s
Có núm chỉ thị độ di chuyển dọc ngang của diaphragm
Chức năng lựa chọn kích thước trường : bằng tay
Góc quay của bộ chuẩn trực: $> + 180^\circ$
Lọc vốn có 1.2mmAl
Độ sáng $> 160\text{lux}$

1.2.4. Khối hỗ trợ chuyển động của đầu đèn:

Khoảng dịch chuyển thẳng đứng (tính từ sàn nhà): Từ 550 cm đến 1950mm
Khoảng dịch chuyển ngang : 260mm
Khoảng dịch chuyển dọc: 1500mm
Khoảng chuyển động quay xung quanh khối hỗ trợ: hơn $+ 90^\circ$
Khoảng chuyển động quay xung quanh trục đầu đèn: $\pm 180^\circ$
Tay giữ cân bằng cho đầu đèn: đặt ngang bằng
Khóa tất cả các chuyển động bằng khóa điện từ

1.2.5. Bàn chụp nằm:

Kích thước: xấp xỉ $2000 \times 745\text{mm}$
Chiều cao tính từ sàn: khoảng 670mm
Độ dịch chuyển của mặt bàn:
Ngang: $> 140\text{mm}$
Dọc: $> 280\text{mm}$
Khóa bằng khóa điện từ
Tải trọng tối đa: $> 160\text{kg}$

Bucky có gắn lưới:

Kích thước: xấp xỉ $518 \times 508\text{ mm}$
Khoảng dịch chuyển: $> 230\text{ mm}$
Grid: Lưới tĩnh: $\geq 200\text{ lines/inch}$, tỉ lệ $> 13:1$

1.2.6. Giá chụp phôi có lưới lọc tia (Bucky stand)

Khoảng dịch chuyển lên xuống : 1400mm (Từ 400 mm đến 1800mm)
Di chuyển lên xuống, khóa vị trí bằng khóa điện từ
Cân bằng đối trọng
Nguồn điện cung cấp: $16\text{-}24\text{VAC}$, $50/60\text{ kHz}$ Grid: $\geq 200\text{ lines/inch}$, tỉ lệ $>$

2) TẮM NHẬN ẢNH XQUANG KỸ THUẬT SỐ

Bộ xử lý bao gồm:

- **Tấm cảm biến phẳng Detector kích thước 43x43cm(17x17inch) : 02 tấm**
- **Máy in film khô Laser Fujifilm: 01 cái**
- **Dây kết nối tín hiệu: 01 bộ**
- **Hệ thống máy tính xử lí :**
 - + Màn hình LCD **23.8 inch**
 - + CPU : Core i5 Thế hệ 11 trở lên.
 - + Ram DDR4 16GB
 - + Ổ cứng : SSD 240GB cài win + HDD 1 TB dữ liệu

Thông số kỹ thuật:

- Chất nhấp nháy : **CsI:Tl (Direct)**
 - Công nghệ cảm biến : **a-Si TFT , Static**
 - Kích thước tấm cả viền : **460x460x15 mm**
 - **Diện tích vùng nhận ảnh: 426.44 x 426.72 mm**
 - Cân nặng : **3.5kg**
 - Số điểm ảnh : **3072x3072Pixel**
 - Mạng điểm ảnh hiệu quả: **3046 x 3048Pixel**
 - Kích thước điểm ảnh : **140µm**
 - Chuẩn giao tiếp dữ liệu có dây : Gigabyte Ethernet (1000BASE-T)
 - Chuyển đổi A/D: 16 bits
 - Độ tương phản không gian: 3.4lp/mm
- Tốc độ khung hình tối đa:
- Đồng bộ đầu ra: 2 Cổng/TTL (0 - 5.0V)
 - Kích hoạt phát tia X: Kích hoạt bằng dây (Thủ công)/ Kích hoạt tự động (Chế độ AED)
 - Chế độ chụp: Liên tục/Xung.
 - Dải điện thế tương thích: 40 -150KVp
 - Tiêu chuẩn kích thước: Đáp ứng tiêu chuẩn ISO4090 với kích thước cassette cỡ (460x460x15mm)

Phần mềm xử lý ảnh Xquang chuyên dụng : Giao diện thân thiện với người sử dụng.

Mẫu báo giá cho phụ lục 1. Hóa chất xét nghiệm
Áp dụng đối với gói thầu mua sắm hóa chất bổ sung năm -2025
tại bệnh viện đa khoa huyện Vị Xuyên

BÁO GIÁ(1)

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho hóa chất xét nghiệm:

STT	Mã hàng hóa ⁽²⁾	Danh mục hàng hóa ⁽³⁾	Tên thương mại của thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm	Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/khối lượng ⁽⁴⁾	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá ⁽⁵⁾ (VND)	Thành tiền ⁽⁶⁾ (VND)	Thông tin đã trúng thầu ⁽⁷⁾		
												Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng năm	Nơi trúng thầu
1		Hàng hóa A												
n		...												

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực: trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày ... tháng ... năm ... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại Mục I - Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp(8)

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã hàng hóa theo phụ lục mời báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên hàng hóa theo phụ lục mời báo giá.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(5) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá (đã bao gồm chi phí vận chuyển, VAT và các chi phí phát sinh) tương ứng với từng thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm.

(6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND).

(7) Ghi rõ đơn giá trúng thầu tham khảo và số quyết định trúng thầu, ngày tháng năm quyết định, nơi trúng thầu.

(8) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu. Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu vào báo giá.

Mẫu báo giá cho phụ lục 2. Thiết bị y tế
Áp dụng đối với gói thầu mua thiết bị y tế năm -2025
tại bệnh viện đa khoa huyện Vị Xuyên

BÁO GIÁ(1)

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế:

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật, ký hiệu, mã hiệu, nhãn hiệu, model, số lưu hành, hãng sản xuất, nước sản xuất ⁽³⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)	Thông tin đã trúng thầu ⁽¹²⁾	
										Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng năm, nơi trúng thầu
1	Thiết bị A										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực: trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày ... tháng ... năm ... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại Mục I - Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp(8)

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã hàng hóa theo phụ lục mời báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên hàng hóa theo phụ lục mời báo giá.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (5) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá (đã bao gồm chi phí vận chuyển, VAT và các chi phí phát sinh) tương ứng với từng thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm.
- (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND).
- (7) Ghi rõ đơn giá trúng thầu tham khảo và số quyết định trúng thầu, ngày tháng năm quyết định, nơi trúng thầu.
- (8) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu. Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu vào báo giá.